

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HUNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 9 - 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: thôn D, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

3. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1938;

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1948;

Đều địa chỉ cư trú: thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

Tại phiên tòa: anh D có mặt; chị H, ông N, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện ghi ngày 27 tháng 07 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị Phạm Thị H đã kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 24 tháng 10 năm 2008. Vợ chồng chung sống tại gia đình anh đến tháng 03 năm 2009 thì chị H về nhà bố mẹ đẻ chung sống, gia đình đã hòa giải nhưng do không thống nhất về nơi chung sống dẫn đến không tôn trọng nhau nên vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ năm 2009. Nhận thấy vợ chồng đã có thời gian dài không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Anh Trần Văn D xác định vợ chồng chưa có con và mới chung sống nên không có tài sản, nghĩa vụ chung do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị H công nhận lời khai của anh D về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân và việc vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản, nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không chấp nhận ly hôn.

Người làm chứng ông Trần Văn N và bà Trần Thị Đ là bố, mẹ anh D đều xác định anh D và chị H sống mỗi người một nơi từ năm 2009 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Tại phiên tòa: Anh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D với chị H; Không giải quyết về con chung, tài sản và các vấn đề khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị H cư trú tại thôn D, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh được xem xét giải quyết theo thủ tục ly hôn. Chị Phạm Thị H không chấp nhận ly hôn nhưng chị và anh Trần Văn D đều công nhận vợ chồng đã không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình mà sống mỗi người một nơi không còn quan tâm, chăm sóc giúp, đỡ nhau từ năm 2009 chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đời sống chung của anh chị không thể kéo dài do đó yêu cầu được ly hôn của anh D là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[3] Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị H đều công nhận vợ chồng chưa có con chung và không có tài sản, nghĩa vụ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn D ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 00025xx ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, anh D đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG QUANG TÚ